

Bản án số: 83/2019/HS-ST

Ngày: 28-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Hải;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Nhật T, sinh năm 1995 tại: C; thường trú: ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quốc K và bà Võ Thị Kiều O; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng V và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2018 cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ; tạm trú: Khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt;

- Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1984 (đã chết); người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 204/26 Đoàn Văn B, phường 14, Quận 4, Thành phố H; có mặt;

Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh H và ông Trần Đào Minh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Nhật T là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2017, loại ma túy mà T sử dụng là ma túy tổng hợp (ma túy đá). T và bà Nguyễn Thị Hồng V có mối quan hệ là vợ chồng với nhau và cùng tạm trú tại khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B.

Khoảng 21 giờ ngày 08-12-2018, T điều khiển xe mô tô biển số 66V1 – 183.37 chở bà V đi chơi. Trên đường đi, T nảy sinh ý định mua ma túy về để sử dụng nhưng T không nói cho bà V biết nên T nói dối với bà V, T thiếu tiền của một người anh ở Tân Phước K, T ghé vào trả tiền rồi đi tiếp, bà V đồng ý. T điều khiển xe 66V1 – 183.37 chở bà V đến ki ốt số 28A thuộc tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B và dừng xe cách ki ốt 28A khoảng 10 m để bà V đứng đợi tại đây, còn T đi bộ đến ki ốt 28A gặp đối tượng tên C mà T đã mua ma túy nhiều lần trước đó, hỏi mua 800.000 đồng ma túy. C đồng ý và đưa cho T 02 bịch nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (trong đó có 01 bịch ny lon hàn kín bên ngoài có dán băng keo màu đen), T đưa cho C 800.000 đồng, sau đó T cất giấu 02 bịch ma túy vào trong ống quần Jean bên trái T đang mặc và đi bộ đến chỗ bà V đang đợi. Do xe mô tô 66V1 – 183.37 T đang sử dụng gần hết xăng nên T mượn xe mô tô của Cường để đi mua xăng, Cường đồng ý và giao xe mô tô biển số 61G1 – 306.26 cho T đi mua xăng. Sau đó, T điều khiển xe 61G1 – 306.26 chở bà V đi tìm cây xăng để mua xăng. Khi đi đến đoạn đường ĐH 406 thuộc khu phố K, phường K thì lực lượng tuần tra Công an phường K phát hiện Huỳnh Nhật T đang điều khiển xe mô tô biển số 61G1 – 306.26 chở bà V ngồi phía sau, có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng công an yêu cầu dừng xe kiểm tra thì T lấy ra trong ống quần Jean bên trái T đang mặc 02 bịch nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, trong đó có 01 bịch ny lon hàn kín bên ngoài có dán băng keo màu đen. Nghi vấn đây là ma túy nên lực lượng tuần tra đưa T, bà V cùng vật chứng về trụ sở Công an phường K làm việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) bịch nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, bên ngoài có dán băng keo màu đen (ký hiệu M1);

- 01 (một) bịch nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2);

- 01 (một) xe mô tô biển số 61G1 – 306.26, số máy 5C64 – 982981, số khung RLCS5C640CY982967.

Đồng thời, Công an phường K lập biên bản tạm giữ đồ vật mà bị cáo Huỳnh Nhật T mang theo gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen.

Công an phường K lập hồ sơ ban đầu và tiến hành bàn giao Huỳnh Nhật T cùng hồ sơ, vật chứng, đồ vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Trên cơ sở lời khai của Huỳnh Nhật T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với ki ốt số 28A thuộc tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B do Phạm Ngọc C thuê để ở. Qua khám xét, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe 61G1 - 306.26 và 01 (một) xe mô tô biển số 66V1- 183.37, số máy 5C641086473, số khung 5C641DY086451.

Bản kết luận giám định số 42/MT – PC09 ngày 14/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể gửi đi giám định là ma túy, có trọng lượng: 0,4656 gam (M1); 0,9734 gam (M2); đều là loại Methamphetamine.

Đối với xe mô tô biển số 61G1 - 306.26, số máy 5C64 - 982981, số khung RLCS5C640CY982967, do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên trong giấy đăng ký xe. Bà H khai năm 2017 đã bán xe mô tô 61G1 - 306.26 cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với giá 9.500.000 đồng. Phạm Ngọc C khai đã mua xe 61G1 - 306.26 của một người bạn không rõ nhân thân vào khoảng tháng 11/2018 với giá 10.000.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên. Qua tra cứu xe máy vật chứng tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh B xác định không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Đối với xe mô tô biển số 66V1 - 183.37, số máy 5C641086473, số khung 5C641DY086451, do bà Nguyễn Thị Hồng V đứng tên trong giấy đăng ký xe. Ngày 08-12-2018, T điều khiển xe mô tô này chở V đi chơi, sau đó gửi tại ki ốt của Phạm Ngọc C, bà V không biết T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Cáo trạng số 74/CT-VKS.TU ngày 13-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Huỳnh Nhật T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với xe mô tô biển số 61G1 – 306.26 do bà Nguyễn Thị Ngọc H đứng tên trong giấy đăng ký xe. Bà H khai năm 2017 đã bán xe mô tô 61G1 - 306.26 cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với giá 9.500.000 đồng. Phạm Ngọc C khai đã mua xe 61G1 - 306.26 của một người bạn không rõ nhân thân vào khoảng tháng 11/2018 với giá 10.000.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên. Qua tra cứu xe máy vật chứng tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh B xác định không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng nên cần trả lại cho ông Phạm Ngọc C (người đại diện hợp pháp của Phạm Ngọc C); đối với xe mô tô biển số 66V1 - 183.37 do bà Nguyễn Thị Hồng V đứng tên trong giấy đăng ký xe, bà V không biết T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên trả

lại cho bà V; đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen là tài sản của bà V nên trả lại cho bà V; đối với 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1 – 306.26 trả lại cho ông Phạm Ngọc C.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất thừa nhận hành vi mua ma túy là Methamphetamine sau đó cất giấu trong ống quần nhằm mục đích sử dụng. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Khi thực hiện hành vi cất giấu ma túy, bị cáo nhận thức được đây là hành vi vi phạm pháp luật, biết việc sử dụng, mua bán, tàng trữ chất ma túy bị Nhà nước cấm nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách của Nhà nước trong quản lý, sử dụng chất ma túy. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì muốn có ma túy sử dụng, thỏa mãn cơn nghiện nên đã cố ý phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị phát hiện, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị xử phạt bị cáo mức án như trên là phù hợp với tính chất, mức độ và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[8] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo, hiện chưa xác định được lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[9] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với số ma túy bị cáo tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen trả lại cho bị cáo; điện thoại hiệu Masstel màu đen trả lại cho bà V; xe mô tô biển số 61G1 - 306.26 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1 - 306.26 là tài sản của ông Phạm Ngọc C nên trả lại cho ông Phạm Ngọc Ca (người đại diện hợp pháp của ông C); xe mô tô biển số 66V1 - 183.37 trả lại cho bà V;

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Nhật T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09-12-2018.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư niêm phong bên trong có chứa chất ma túy đá (Methamphetamine), bên ngoài bì thư có ký hiệu 42/PC09, có chữ ký của người bị bắt Huỳnh Nhật T, chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Thanh G, mộc dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký ông Lê Hà T - Phó trưởng Công an phường K và mộc dấu của Công an phường K;

Trả chiếc xe mô tô biển số 61G1 - 306.26, nhãn hiệu YAMAHA Sirius, số máy 5C64 - 982981, số khung RLCS5C640CY982967, không kính chiếu hậu phải, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1 - 306.26 cho ông Phạm Ngọc C.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 357338088381317, có gắn sim Viettel, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; trả cho bà V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, số IMEI1 358460086794728, IMEI2 358460086794736 có gắn sim Viettel, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng V xe mô tô biển số 66V1 - 183.37, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy 5C641086473, số khung 5C641DY086451, không kính chiếu hậu phải, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15-5-2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Huỳnh Nhật T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp